

Bản án số: 398/2024/DS-PT

Ngày: 07- 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tòng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Phận

Ông Phạm Văn Tinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLPT- DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2256/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Bà Võ Thị C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà C: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

## **2. Bị đơn:**

Ông Thái Trọng N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số D, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1945; (có mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp D, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

## **3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Thái Trọng N.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2024, bản tự khai, các biên bản hoà giải, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/11/2020, bà C cho ông Thái Trọng N vay số tiền 100.000.000 đồng. Lãi suất vay 1%/tháng. Việc vay tiền không có làm giấy, tờ. Mục đích ông N vay là để cho người khác vay lại. Ông N trả tiền lãi cho bà C được 02 tháng là tháng 12/2020 và tháng 01/2021. Đến tháng 02/2021 thì ông N không đóng lãi cũng như không trả nợ gốc.

Do ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà C khởi kiện yêu cầu ông N trả cho bà C tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và nợ lãi tính từ tháng 02/2021 cho đến tháng 02/2023 là 36 tháng, mức lãi suất 1%/tháng với số tiền 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông N phải trả cho bà C là 136.000.000 đồng.

Căn cứ khởi kiện của bà C là Bản án số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bà C chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 02 năm 2021 cho đến tháng 02 năm 2023 và tính theo tháng không tính theo ngày. Bà C khẳng định không yêu cầu tính lãi từ tháng 02 năm 2023 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

*Theo bản tự khai, biên bản hoà giải, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm tuy ông Thái Trọng N vắng mặt nhưng có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Ông N khẳng định có vay bà C số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Ông N đóng lãi cho bà C được 02 tháng với số tiền 10.000.000 đồng. Lần đóng lãi thứ 02 ông đã thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Việc trả gốc và lãi của ông cho bà C không có lập thành văn bản hay có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Ông N không nhớ việc vay tiền diễn ra vào thời gian nào. Ông N cũng không nhớ thời gian trả gốc và lãi cho bà C. Ông N thừa nhận lời khai trong các Bản án số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre là của ông N. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông không đồng ý.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

2. Buộc ông Thái Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị C số tiền 105.000.000 (Một trăm lẻ năm triệu) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền lãi là 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/5/2024 ông Thái Trọng N có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Trọng N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị C yêu cầu bị đơn ông Thái Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay là 100.000.000 đồng và 36 tháng tiền lãi là 36.000.000 đồng. Bà C không yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn căn cứ vào Bản án số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Bị đơn cho rằng đã thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, Bản án số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre và Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, ông Thái Trọng N trình bày có vay của bà Võ Thị C số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất là 1%/tháng. Cả hai Bản án nêu trên đề không giải quyết về quan hệ vay tiền giữa bà C và ông N liên quan đến số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời Bản án số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật nên có cơ sở để căn cứ vào các lời khai trong các bản án này và lời khai của các đương sự tại phiên tòa để giải quyết vụ án. Bị đơn cho rằng đã trả xong nợ gốc và tiền lãi cho nguyên đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C buộc ông Thái Trọng N trả cho bà C số

tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Võ Thị C đối với số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng từ tháng 2/2021 cho đến tháng 2/2023 là 36 tháng.

[2.1] Xét thấy, người đại diện theo uỷ quyền của bà C cho rằng bà C cho ông N vay tiền vào ngày 05/11/2020. Bà C không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho ông N vay vào ngày 05/11/2020. Vào tháng 02/2021, ông N không đóng tiền lãi và nợ gốc nên tháng 03/2021 bà C có nhắc ông N việc trả tiền lãi và nợ gốc nhưng ông N không thực hiện. Nguyên đơn cho rằng có nhắc ông N trả tiền lãi và nợ gốc nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Từ ngày 05/11/2020 cho đến hết tháng 02/2021 bà C nhận của ông N 02 tháng tiền lãi với số tiền là 2.000.000 đồng. Ông N cho rằng có đóng lãi cho bà C với mức lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng nhưng không nhớ đóng bao nhiêu tháng và tổng số tiền đã đóng là bao nhiêu. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho những lời trình bày. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre và Bản án dân sự phúc thẩm số 09/2023/DS-PT ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật, ông N thừa nhận lãi suất vay là 1%/tháng. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất vay là 1%/tháng.

[2.2] Về thời gian tính lãi:

Xét thấy, các đương sự không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh mốc thời gian đóng lãi cho số tiền đã vay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thời điểm ông Thái Trọng N thừa nhận có vay của bà C số tiền 100.000.000 đồng tại Bản án số 86A/2022/DS-ST ngày 19/9/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre là mốc thời gian để bắt đầu tính lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông N đã vay của bà C. Do bà C yêu cầu tính lãi theo tháng nên số tháng mà ông N phải chịu lãi suất là 05 tháng (Từ tháng 9/2022 cho đến tháng 2/2023). Do đó, số tiền lãi mà ông N phải trả cho bà C là  $100.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 5.000.000 \text{ đồng}$ .

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Thái Trọng N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thái Trọng N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 280, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

2. Buộc ông Thái Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị C số tiền 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), số tiền lãi là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền lãi 31.000.000 đồng (ba mươi một triệu đồng).

4. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Trọng N phải nộp số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Võ Thị C phải nộp số tiền 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001049 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Bà C được hoàn lại số tiền 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Trọng N phải chịu án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004443 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tòng**